

TÌM HIỂU PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG CHẠY ĐUA VŨ TRANG HẠT NHÂN TRÊN THẾ GIỚI

Nguyễn Thị Thanh Thủy*

Sự ra đời của vũ khí hạt nhân đã có những tác động to lớn đến đời sống chính trị và quan hệ quốc tế. Đồng thời, sự phản đối vũ khí hạt nhân cũng xuất hiện ngay từ khi loại vũ khí này mới ra đời do tính chất huỷ diệt to lớn của nó. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, chạy đua vũ trang nói chung và vũ trang hạt nhân nói riêng là một trong những đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các cường quốc lớn. Cũng trong giai đoạn này, sự phản đối chạy đua vũ trang, đặc biệt là vũ trang hạt nhân, đã phát triển thành một phong trào rộng khắp trên thế giới. Chiến tranh Lạnh kết thúc nhưng vũ khí hạt nhân vẫn tiếp tục được phát triển và nguy cơ đe dọa huỷ diệt của vũ khí hạt nhân đối với nền hoà bình thế giới và sự tồn vong của nhân loại vẫn chưa bị loại trừ. Vì vậy phong trào đấu tranh chống vũ trang hạt nhân vẫn còn tiếp tục. Bài viết này bước đầu tìm hiểu phong trào đó nhằm góp phần loại bỏ nguy cơ đe dọa của loại vũ khí có tính huỷ diệt hàng loạt này.

1. Khởi đầu của phong trào

Ngay sau khi Hoa Kỳ chế tạo được quả bom nguyên tử đầu tiên năm 1945, các nhà khoa học Mỹ - những người trực tiếp tham

* Tiến sỹ, Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

gia chế tạo quả bom này - đã cảnh báo chính quyền Truman về mức độ nguy hiểm vô cùng to lớn của vũ khí nguyên tử và về khả năng của một cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân trong tương lai. Tháng 6/1945, một nhóm các nhà khoa học tham gia nghiên cứu và chế tạo bom nguyên tử ở các phòng thí nghiệm ở Chicago đã gửi kiến nghị lên Bộ Quốc phòng Mỹ, đề nghị chính quyền Mỹ hãy thận trọng trong việc sử dụng bom nguyên tử do tính chất huỷ diệt to lớn của nó. Đồng thời, họ nêu bật tầm quan trọng của việc đạt được một hiệp định quốc tế, đặc biệt là với Liên Xô, để ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân. Bản kiến nghị cho rằng điều kiện tốt nhất để đạt được một hiệp định quốc tế là Hoa Kỳ tuyên bố với thế giới về sự thành công của việc chế tạo bom nguyên tử nhưng sẽ không sử dụng quả bom để “chống lại bất cứ nước thù địch nào trong lúc này”. Các nhà khoa học cũng đề nghị chính quyền Mỹ ký với các nước, trong đó có Liên Xô, một hiệp định giám sát sử dụng loại vũ khí này và tham gia thiết lập một cơ chế kiểm soát quốc tế có hiệu quả đối với vấn đề năng lượng nguyên tử.¹

Khi biết được kế hoạch ném bom nguyên tử của chính quyền Mỹ, ngày 17/7/1945 nhóm các nhà khoa học này lại gửi thư cho Tổng thống Truman. Trong thư, họ không tán thành việc dùng quả bom mới chế tạo để chống lại Nhật Bản và đề nghị chính quyền Truman không được sử dụng bom nguyên tử trong chiến tranh. Họ cũng cho rằng nước Mỹ giờ đây giữ độc quyền về vũ khí nguyên tử thì cũng phải có trách nhiệm ngăn ngừa việc sử dụng loại vũ khí này trong tương lai.² Như vậy, chính các nhà khoa học nguyên tử Mỹ là những người đầu tiên cảnh báo về hậu

¹ Thomas G. Paterson & Dennis Merrill (1995), *Major Problems in American Foreign Relations, Documents and Essays, Volume II: Since 1914*, D. C. Heath and Company, tr. 241-242; Robert C. Williams & Philip L. Cantelon (1984), *The American Atom: A Documentary History of Nuclear Policies from the Discovery of Fission to the Present, 1939 - 1984*, University of Pennsylvania Press, Philadelphia, pp.64-66.

² *The American Atom*, sđd, tr. 66-67.

quả nghiêm trọng của việc sử dụng loại vũ khí này. Họ cũng là những người đầu tiên đề xuất vấn đề kiểm soát vũ khí hạt nhân và ngăn ngừa một cuộc chiến tranh hạt nhân trên thế giới.

Sau khi Liên Xô thử thành công quả bom nguyên tử đầu tiên tháng 7/1949, chính quyền Truman đẩy mạnh kế hoạch nghiên cứu và chế tạo bom nhiệt hạch và bom hydro (bom H). Đây là những loại vũ khí hạt nhân mạnh hơn nhiều lần hai quả bom nguyên tử mà Hoa Kỳ đã ném xuống Nhật Bản năm 1945. Kế hoạch của chính quyền Truman lại vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của các nhà khoa học nguyên tử Mỹ. Julius Robert Oppenheimer, cha đẻ của quả bom nguyên tử đầu tiên của Mỹ, là một trong số những nhà khoa học này. Ngày 30/10/1949, Oppenheimer với tư cách là Chủ tịch Ủy ban Tư vấn nguyên tử của Mỹ đã cùng với các đồng nghiệp của mình gửi báo cáo cho Ủy ban Năng lượng nguyên tử Mỹ. Trong bản báo cáo, các nhà khoa học cảnh báo về khả năng tàn phá của bom H mạnh từ 20 đến 100 lần so với bom nguyên tử thông thường. Bản báo cáo cho rằng “việc sử dụng loại vũ khí này (bom H) sẽ đưa đến sự giết hại số lượng lớn sinh mạng con người. Thứ vũ khí này không chỉ huỷ diệt các mục tiêu quân sự và bán quân sự mà còn hơn cả bom nguyên tử là tiêu diệt tất cả dân thường”. Vì thế họ gọi loại vũ khí này là “mối đe dọa đối với tương lai của loài người” và là “thứ vũ khí diệt chủng”. Do tính chất huỷ diệt ghê gớm của bom H, Oppenheimer và các đồng nghiệp của ông khuyến nghị chính phủ Mỹ đàm phán với Liên Xô về việc không phát triển loại vũ khí này.¹ Một nhà khoa học khác là Hans Bethe, một trong những người tham gia nghiên cứu về bom H từ năm 1942, ủng hộ mạnh mẽ cho quan điểm đàm phán với Liên Xô về việc không phát triển bom H. Bethe cho rằng chính phủ Mỹ nên tuyên bố trước về việc không phát triển bom H mặc dù Hoa Kỳ đang là nước đi đầu trong lĩnh vực vũ khí nguyên tử cả về chất lượng và số lượng. Bethe tin rằng nếu Hoa Kỳ tuyên bố

¹ *The American Atom*, sđd, tr.124-127.

không sản xuất bom H thì nhất định Liên Xô sẽ làm theo. Theo quan điểm của Bethe, việc phát triển bom H là một thảm họa và việc đạt được một hiệp định với Liên Xô về vấn đề bom H quan trọng hơn là sản xuất loại vũ khí này.¹

Những kiến nghị của các nhà khoa học nguyên tử Mỹ đã bị Tổng thống Truman bác bỏ. Hơn nữa, chính quyền Truman đã tìm cách chống lại những nhà khoa học kiên quyết phản đối việc chế tạo bom H. Vụ xét xử nhà bác học Oppenheimer đầu những năm 1950 là một trường hợp điển hình. Sự phản đối bom H đã làm cho Oppenheimer bị chính quyền Truman buộc tội dính líu với các tổ chức cánh tả. Ông cũng bị buộc tội che giấu vụ gián điệp Liên Xô tìm kiếm kỹ thuật nguyên tử của Mỹ năm 1943, tội trì hoãn dự án chế tạo bom H và những tội khác. Với sự buộc tội này, chính quyền Truman đã từ chối đảm bảo an ninh cho Oppenheimer, sa thải ông khỏi Ủy ban Năng lượng nguyên tử Mỹ và không cho phép ông tiếp cận với công việc nghiên cứu và chế tạo vũ khí hạt nhân.² Việc chính quyền Truman xét xử Oppenheimer đã gây ra sự phản đối lớn trong công luận Mỹ. Nhiều đồng nghiệp của Oppenheimer đã ủng hộ ông, bào chữa cho ông và phản đối những quyết định của chính quyền Truman đối với Oppenheimer. Tuy nhiên, những cố gắng của họ đều không có kết quả. Vụ Oppenheimer cho thấy: bất chấp tài năng và những đóng góp to lớn của ông đối với việc nghiên cứu năng lượng nguyên tử, chính quyền Truman đã loại bỏ ông khi ông trở thành vật cản đối với chính sách hạt nhân của họ. Sự bác bỏ những kiến nghị của các nhà khoa học nguyên tử cho thấy chính quyền Mỹ quyết tâm theo đuổi cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân.

Ngoài các nhà khoa học, một số quan chức Mỹ cũng bày tỏ mối quan ngại về vấn đề vũ khí hạt nhân, đáng chú ý là quan điểm của Henry L. Stimson, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ dưới

¹ *The American Atom*, sđd, tr.139-140.

² *The American Atom*, sđd, tr.145-146.

chính quyền Truman. Không lâu sau sự kiện Hoa Kỳ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản, ngày 11/9/1945, Stimson gửi thư cho Tổng thống Truman bày tỏ quan điểm về vấn đề vũ khí nguyên tử. Trong thư, Stimson viết rằng việc Hoa Kỳ sử dụng bom nguyên tử trong chiến tranh “đã có tác động lớn tới các vấn đề chính trị của thế giới”. Stimson tin rằng việc Hoa Kỳ sử dụng bom nguyên tử không gây được áp lực với Liên Xô trong việc thay đổi chính sách của nước này. Trái lại, các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự Liên Xô càng quyết tâm “có được loại vũ khí nguyên tử trong thời gian ngắn nhất” và hơn thế nữa, một cuộc chạy đua vũ trang tuy lặng lẽ diễn ra nhưng chắc chắn là “quyết liệt”. Stimson nhận định vấn đề bom nguyên tử sẽ là một vấn đề trọng yếu trong quan hệ Mỹ - Xô thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Với quan điểm đó, Stimson đề nghị chính quyền Truman cùng với Anh, nước hợp tác với Hoa Kỳ trong việc nghiên cứu và sản xuất bom nguyên tử, cần đàm phán ngay với Liên Xô về việc “kiểm soát và hạn chế sử dụng bom nguyên tử trong chiến tranh” cũng như “khuyến khích việc phát triển năng lượng nguyên tử cho các mục đích hoà bình và nhân đạo”. Theo Stimson, nếu đạt được một hiệp định như vậy sẽ làm giảm sự nghi ngờ lẫn nhau giữa Hoa Kỳ và Liên Xô và một thoả thuận với Liên Xô sẽ mở đường cho sự tham gia của các cường quốc khác vào bản hiệp định trong khuôn khổ của Liên hợp quốc.¹ Như vậy, Stimson coi trọng việc đàm phán với Liên Xô về vấn đề vũ khí hạt nhân và năng lượng hạt nhân, coi đó là một điều kiện quan trọng cho sự hợp tác giữa hai nước sau chiến tranh. Mặc dù vậy, Tổng thống Truman đã bác bỏ đề nghị của Stimson.

Những khuyến nghị của Stimson cho thấy vị quan chức quan trọng này trong chính quyền Truman đã nhìn thấy trước những tác động to lớn của vấn đề vũ khí hạt nhân trong quan hệ đối ngoại của Hoa Kỳ với Liên Xô cũng như đối với tình hình an ninh

¹ *The American Atom*, sđd, tr.75-78.

chính trị quốc tế. Vì vậy, ông nghiêng về chính sách thương lượng với Liên Xô. Quan điểm đàm phán với Liên Xô của Stimson có thể một phần xuất phát từ thực tế là ông đã từng ủng hộ chính sách công nhận Liên Xô năm 1933 khi còn là Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ dưới chính quyền của Tổng thống Herbert C. Hoover (1929 - 1933). Những tính toán của Stimson trong việc đề nghị đàm phán với Liên Xô ở mức độ nhất định cho thấy vấn đề vũ khí hạt nhân có tác động to lớn đối với các vấn đề quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ song phương Mỹ - Xô nói riêng. Như vậy, Hoa Kỳ là nước đầu tiên chế tạo được vũ khí hạt nhân và cũng là nơi đầu tiên xuất hiện những cảnh báo, kể cả sự phản đối, về loại vũ khí có tính huỷ diệt hàng loạt này.

2. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh

Sự đối đầu Mỹ - Xô và hai khối đứng sau hai siêu cường trở thành tiêu điểm của cuộc Chiến tranh Lạnh. Trong cuộc đối đầu này, chạy đua vũ trang đóng vai trò quan trọng. Ngoài vũ khí thông thường, cả hai siêu cường đều chú trọng phát triển vũ khí hạt nhân, coi đó là yếu tố để đảm bảo giành chiến thắng về quân sự trước đối phương cũng như để bảo vệ các đồng minh của họ. Năm 1945, Hoa Kỳ là nước duy nhất có vũ khí hạt nhân với số lượng là 6; 10 năm sau (1955), số lượng vũ khí hạt nhân của Hoa Kỳ là 3.057, của Liên Xô là 200, và của Anh là 10.¹ Cuộc chạy đua vũ trang với vũ khí hạt nhân được coi là then chốt đã diễn ra quyết liệt trong khung cảnh của cuộc đối đầu ngày càng tăng giữa hai khối do Hoa Kỳ và Liên Xô đứng đầu. Tính chất quyết liệt của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân đã làm cho quan hệ song phương Mỹ - Xô cũng như tình hình quốc tế trở nên căng thẳng. Đồng thời lúc này một phong trào đấu tranh chống chạy đua vũ

¹ Robert S. Norris & William M. Arkin (1997), "Global Nuclear Stockpiles, 1945 - 1997", *Bullettin of the Atomic Scientists*, Vol. 53 (6).

trang, đặc biệt là vũ trang hạt nhân, đã hình thành và ngày càng phát triển ở nhiều nơi trên thế giới.

Ngay ở Mỹ, ngoài sự phản đối của các nhà khoa học nguyên tử, người dân Mỹ cũng đã lên tiếng phản đối cuộc phiêu lưu vũ trang hạt nhân của chính quyền Mỹ. Trong số này đáng chú ý là sự phản đối của Lewis Mumford - một nhà văn và nhà phê bình xã hội người Mỹ - thông qua các ấn phẩm của ông. Trong một bức thư ngỏ đăng trên tờ *Thời báo New York* ngày 28/3/1954, Mumford đã phê phán cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân mà chính quyền Mỹ đang theo đuổi, nêu lên tính chất phi lý và vô đạo đức của cuộc chạy đua này. Theo ông, cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân đang tạo ra nhiều hơn nữa thứ vũ khí “có thể huỷ diệt toàn bộ nền văn minh và sự tồn tại của loài người”. Ông kêu gọi chính quyền Mỹ chấm dứt cuộc chạy đua, kêu gọi nhân dân Mỹ gây áp lực với chính quyền Mỹ để từ bỏ cuộc đua nguy hiểm này.¹

Những tiếng nói phản đối vũ khí hạt nhân cũng vang lên ở nhiều nước trên thế giới. Tháng 10/1957, Bộ trưởng Ngoại giao Ba Lan Rapacki đưa ra sáng kiến thiết lập khu phi quân sự hạt nhân ở Trung và Đông Âu. Ngay sau đó sáng kiến này đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc phê chuẩn và có tên gọi là “Kế hoạch Rapacki”. Năm 1958, Berchan Russel, một triết gia người Anh, thành lập Phong trào đấu tranh giải trừ vũ khí hạt nhân (CND). Mục tiêu của phong trào là đấu tranh đòi chính phủ Anh giảm chi phí quốc phòng, nghiêm cấm thử nghiệm và sản xuất các loại vũ khí hạt nhân. Trong những năm sau đó, phong trào CND phát triển mạnh mẽ ở Anh, thu hút hàng triệu người tham gia và lan rộng sang cả Pháp, Mỹ và Australia.² Đáng chú ý là ngày 21/11/1959, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua hai văn kiện về giải trừ vũ khí hạt nhân. Hai văn kiện này kêu gọi tất cả các

¹ *Major Problems in American Foreign Relations*, sđd, tr. 425-426.

² Viện Lịch sử Quân sự, Bộ Quốc phòng (2003), *Thế giới thế kỷ XX - Những sự kiện quân sự*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.221, 224-225.

nước ngừng thử vũ khí hạt nhân, coi đó là một phần quan trọng của chương trình giải trừ quân bị toàn diện của Liên hợp quốc.¹ Sau các cuộc đàm phán, ngày 1/12/1959, Hoa Kỳ, Liên Xô và 12 nước khác đã tham gia ký Hiệp ước Nam cực. Hiệp ước quy định Nam cực là khu vực chỉ dành riêng cho các nghiên cứu khoa học, cấm tất cả các nước thành viên hiệp ước tiến hành các vụ thử hạt nhân cũng như đổ các chất thải phóng xạ ở khu vực này.² Đây là hiệp ước đa phương đầu tiên về vấn đề hạt nhân mà hai cường quốc hạt nhân hàng đầu cùng tham gia.

Bước vào đầu thập niên 1960, Hoa Kỳ và Liên Xô vẫn chưa đạt được thoả thuận song phương về vấn đề vũ khí hạt nhân mặc dù hai nước đã tiến hành một số cuộc đàm phán. Trong khi đó các cường quốc vẫn tiếp tục lao vào cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Đồng thời lúc này phong trào đấu tranh chống vũ khí hạt nhân tiếp tục phát triển trên thế giới. Đáng chú ý là Hội nghị chống bom A và bom H lần thứ 6 khai mạc tại Tokyo ngày 6/8/1960. Tham dự hội nghị có đại biểu của 31 nước và 11 tổ chức quốc tế cùng một vạn đại biểu của nhân dân Nhật Bản. Hội nghị đã thông qua nhiều văn kiện quan trọng nhằm đẩy mạnh hơn nữa phong trào đấu tranh vì hoà bình, chống vũ khí hạt nhân, chống âm mưu mở rộng chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc. Ngoài ra, tại Hội nghị cấp cao các nước không liên kết (KLK) lần thứ nhất khai mạc ngày 1/9/1961 ở Belgrade (Nam Tư), một trong những nội dung quan trọng của hội nghị là chống chạy đua vũ trang hạt nhân. Hội nghị kết luận rằng “những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình là lối thoát duy nhất khỏi chiến tranh lạnh và khỏi thảm hoạ hạt nhân”. Các nước tham gia Hội nghị lên tiếng kêu gọi các cường quốc, trong đó có Hoa Kỳ và Liên Xô, ngừng chạy đua vũ trang, ngồi vào bàn đàm phán, tiến tới giải trừ quân bị. Họ cũng đòi các cường quốc hạt nhân “ký ngay một hiệp định về giải trừ quân bị toàn bộ và

¹ Báo Nhân Dân, ngày 26/11/1959.

² Tham khảo *Antarctic Treaty*, tại địa chỉ www.state.gov/t/ac/trt/4700.htm.

triệt để có sự kiểm soát quốc tế hữu hiệu, đòi vũ trụ chỉ được sử dụng vào mục đích hoà bình, đòi ký ngay hiệp định cấm thử vũ khí hạt nhân”.¹ Cùng với nhân dân các nước, nhân dân Mỹ tiếp tục phản đối cuộc chạy đua vũ trang do chính quyền Mỹ tiến hành. Tháng 2/1962, hàng nghìn sinh viên nhiều trường đại học trên khắp nước Mỹ đồng loạt xuống đường biểu tình, yêu cầu chính phủ Mỹ phải chấm dứt cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam, giải trừ quân bị, chấm dứt các vụ thử vũ khí hạt nhân. Như vậy, phong trào đấu tranh chống vũ khí hạt nhân trên thế giới đã thể hiện mong muốn của chính phủ và nhân dân các nước muốn loại bỏ thứ vũ khí giết người khủng khiếp này, góp phần bảo vệ hoà bình thế giới. Đồng thời phong trào này ở mức độ nhất định đã có ảnh hưởng tới các cuộc đàm phán Mỹ - Xô về vấn đề vũ khí hạt nhân.

Sau cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba tháng 10/1963, các cường quốc hạt nhân đã đạt được thoả thuận bước đầu về vấn đề hạn chế vũ khí hạt nhân thông qua việc ký Hiệp ước hạn chế thử hạt nhân (LTB) năm 1963 với sự tham gia của Hoa Kỳ, Liên Xô và Anh. Mặc dù vậy, cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân vẫn không hề bị cản trở. Vì thế vấn đề chấm dứt chạy đua vũ trang nói chung và vũ trang hạt nhân nói riêng vẫn là một đòi hỏi bức xúc của nhân dân thế giới. Tại Hội nghị Giải trừ quân bị quốc tế ở Geneva năm 1965, các nước tham dự hội nghị đã thảo luận về một dự thảo hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân. Nhiều nước đã nhất trí với việc ký kết một hiệp ước như vậy. Góp phần ngăn chặn tình trạng chạy đua vũ trang hạt nhân, ngày 10/9/1966, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua một văn kiện cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện. Theo đó, các quốc gia tham gia văn kiện này cam kết không tiến hành hoặc cho phép nước khác tiến hành bất cứ vụ nổ hạt nhân nào trên lãnh thổ nước mình. Tuy nhiên các nước tham

¹ Võ Anh Tuấn (1999), *Phong trào không liên kết*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.45-46.

gia ký kết vẫn được quyền thử hạt nhân trong phòng thí nghiệm, trên máy tính. Văn kiện này sẽ có hiệu lực khi tất cả các quốc gia được coi là có tiềm năng hạt nhân tham gia ký kết và phê chuẩn.¹ Tính chất quyết liệt của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân lúc đó đã cản trở tính hiệu lực của văn kiện này. Mặc dù vậy, việc làm đó của Liên hợp quốc đã thể hiện sự quan ngại của nhiều nước đối với thực trạng của sự phổ biến vũ khí hạt nhân và tính chất nguy hiểm của nó đối với vấn đề an ninh và hoà bình thế giới. Nó cũng thể hiện nguyện vọng của nhiều nước đối với vấn đề sớm chấm dứt việc tàng trữ và chế tạo loại vũ khí có tính diệt chủng này.

Chính vì vậy, các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên thế giới tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chạy đua vũ trang, đòi giải trừ quân bị và thủ tiêu vũ khí hạt nhân. Cuộc đấu tranh này đã có ảnh hưởng nhất định đối với việc ký kết một số văn kiện quan trọng về hạn chế chạy đua vũ trang hạt nhân. Đó là Hiệp ước về quản lý các hoạt động trong vũ trụ (OST, ký ngày 27/1/1967) nhằm phi quân sự hoá vũ trụ, với sự tham gia của ba cường quốc hạt nhân là Hoa Kỳ, Liên Xô, Anh và 61 nước khác; Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT, ký ngày 1/7/1968) với sự tham gia của Hoa Kỳ, Liên Xô, Anh và 43 nước khác. Ngoài ba cường quốc hạt nhân, việc có nhiều nước tham gia ký kết Hiệp ước OST và Hiệp ước NPT đã thể hiện tinh thần chống chạy đua vũ trang hạt nhân của nhiều dân tộc trên thế giới. Nó cũng thể hiện nguyện vọng chính đáng của họ muốn được sống trong một thế giới không có vũ khí hạt nhân, thứ vũ khí có khả năng huỷ diệt nhân loại. Số lượng các văn kiện về kiểm soát và hạn chế vũ khí hạt nhân đã được ký kết cho đến lúc này, ở mức độ nhất định, chính là một thắng lợi của các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống chạy đua vũ trang, chống chiến tranh hạt nhân và đòi giải trừ quân bị.

¹ *Phong trào không liên kết*, sđd, tr.258.

Mặc dù hai cường quốc hạt nhân hàng đầu là Hoa Kỳ và Liên Xô đã tham gia một số hiệp ước đa phương về hạn chế vũ khí hạt nhân, nhưng hai nước vẫn đóng vai trò chủ đạo trong cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân trong những năm tiếp theo. Ngoài ra từ giữa thập niên 1960, Pháp và Trung Quốc đã gia nhập hàng ngũ các cường quốc hạt nhân. Năm 1965, hai mươi năm sau thảm họa hạt nhân ở Nhật Bản, số lượng vũ khí hạt nhân của các cường quốc đã tăng lên gấp bội: Hoa Kỳ có 32.135, Liên Xô có 6.129, Anh có 310, Pháp có 32, Trung Quốc có 5.¹ Đáng chú ý là lúc này vũ khí hạt nhân không những gia tăng về số lượng mà còn lớn gấp bội lần về mức độ huỷ diệt do có những tiến bộ lớn của kỹ thuật hạt nhân. Thêm vào đó, từ giữa thập niên 1970, sự căng thẳng trở lại trong quan hệ Mỹ - Xô cùng với sự chênh lệch trong cán cân hạt nhân giữa các cường quốc đã làm cho cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân trở nên nghiêm trọng, kéo dài sang nửa đầu thập niên 1980. Theo đánh giá của các chuyên gia về lĩnh vực vũ khí hạt nhân, ngoài năm cường quốc hạt nhân, tới đầu thập niên 1980 có nhiều nước khác đã nắm được kỹ thuật hạt nhân và có khả năng chế tạo vũ khí hạt nhân. Trong khi sự phổ biến của vũ khí hạt nhân ngày càng lan tràn, các cuộc đàm phán Mỹ - Xô về cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược từ cuối thập niên 1970 gặp nhiều trở ngại. Thêm vào đó, vũ khí hạt nhân của Hoa Kỳ được trang bị tăng cường cho các đồng minh NATO. Cùng với sự căng thẳng trong quan hệ giữa các cường quốc lớn, cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân đặt thế giới trước nguy cơ đe dọa của một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Trong hoàn cảnh đó, một phong trào đấu tranh chống chạy đua vũ trang, đặc biệt là vũ trang hạt nhân, đã phát triển mạnh mẽ trên thế giới. Liên hợp quốc vẫn giữ vai trò hàng đầu trong việc đưa ra các chương trình giải trừ quân bị. Kỳ họp đặc biệt lần thứ nhất của Đại hội đồng Liên hợp quốc về giải trừ quân bị được triệu tập năm 1978 đã nhất trí thông qua “Tuyên bố và chương

¹ *Global Nuclear Stockpiles, 1945 - 1997*, tttđ.

trình hành động đòi giải trừ quân bị toàn bộ và triệt để”, trong đó loại trừ vũ khí hạt nhân là ưu tiên hàng đầu.¹ Tuyên bố này là một trong những văn kiện quốc tế quan trọng nhất trong lĩnh vực giải trừ quân bị vẫn còn giá trị ở các thập kỷ sau đó. Tổ chức Hoà bình Xanh (Green Peace) cũng là một tổ chức quốc tế tích cực đấu tranh chống các cuộc thử vũ khí hạt nhân. Mặc dù được chính thức thành lập năm 1971, nhưng từ năm 1969, các thành viên ban đầu của tổ chức này đã có những hoạt động phản đối các vụ thử bom hạt nhân của Mỹ ở Alaska. Phản đối các vụ thử vũ khí hạt nhân là một trong những hoạt động chính của tổ chức này trong các chương trình bảo vệ môi trường. Vụ chiếc tàu Rainbow Warrior của tổ chức Hoà bình Xanh bị mật vụ Pháp đánh đắm trong khi đang thực hiện sứ mệnh phản đối các vụ thử vũ khí hạt nhân của Pháp ở quần đảo Mururoa ở Nam Thái Bình Dương năm 1985 trở thành một sự kiện lớn.² Từ đó Tổ chức Hoà bình Xanh là một trong những lực lượng tích cực đấu tranh chống vũ khí hạt nhân.

Các nước thành viên Phong trào KKK vẫn tích cực đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Tại Hội nghị cấp cao các nước KKK lần thứ 5 ở Colombo (8/1976), các nước tham dự Hội nghị đã ra tuyên bố tiếp tục cuộc đấu tranh cho hoà bình và an ninh quốc tế. Các nước nêu cao khẩu hiệu chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân và kêu gọi triệu tập một hội nghị quốc tế về giải trừ quân bị, đặc biệt là giải trừ vũ khí hạt nhân.³ Sau đó tại Hội nghị cấp bộ trưởng Ủy ban phối hợp của Phong trào KKK tháng 5/1978, các bộ trưởng đã ra tuyên bố khẳng định quan điểm cơ bản của Phong trào KKK là “hoà bình và an ninh quốc tế bền vững chỉ có thể đạt được khi nào thực hiện giải trừ quân bị toàn bộ và triệt để dưới sự kiểm soát quốc tế có hiệu quả”. Đặc biệt, Hội nghị

¹ *Phong trào không liên kết*, sđd, tr.350.

² Tham khảo các hoạt động của Green Peace tại địa chỉ: en.wikipedia.org/wiki/Greenpeace.

³ *Phong trào không liên kết*, sđd, tr. 129.

cấp cao lần thứ 7 của Phong trào KKK (3/1983) đã ra tuyên bố chính trị kêu gọi “các nước lớn hãy chấm dứt chạy đua vũ trang”, coi “giải trừ quân bị, trước hết là giải trừ vũ khí hạt nhân, và sự phát triển là hai vấn đề mấu chốt”. Hội nghị cũng khẳng định mối quan tâm hàng đầu của các nước thuộc Phong trào KKK là giải trừ vũ khí hạt nhân. Tuyên bố của Hội nghị nhấn mạnh: “Nguy cơ lớn nhất đối với thế giới ngày nay là nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Vì vậy, giải trừ quân bị đặc biệt là giải trừ vũ khí hạt nhân không chỉ là vấn đề đạo đức mà còn là vấn đề tồn vong của nhân loại”. Hội nghị đã kêu gọi “đóng băng việc phát triển, sản xuất, tàng trữ và triển khai vũ khí hạt nhân, và sớm ký một hiệp định cấm hoàn toàn các cuộc thử hạt nhân”.¹ Liên tiếp trong các hội nghị cấp cao sau đó, các nước thuộc Phong trào KKK đưa ra các tuyên bố chính trị, trong đó tiếp tục kêu gọi các cường quốc hạt nhân, đặc biệt là Hoa Kỳ và Liên Xô, hãy chấm dứt chạy đua vũ trang hạt nhân, ngăn ngừa thảm hoạ hạt nhân và tiến tới thủ tiêu hoàn toàn vũ khí hạt nhân.

Là một siêu cường hạt nhân nhưng Liên Xô cũng đưa ra những sáng kiến hoà bình và giải trừ quân bị, đặc biệt là giải trừ vũ khí hạt nhân. Tại Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XXVI (2/1981), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Brezhnev đã đưa ra một chương trình hoà bình quan trọng. Chương trình này đề ra các bước khác nhau cho việc huỷ bỏ vũ khí hạt nhân cũng như nhanh chóng ngăn chặn các cuộc xung đột và xoá bỏ các điểm nóng trên thế giới. Sau đó ngày 15/6/1982, Chủ tịch Brezhnev đã gửi thư cho Đại hội đồng Liên hợp quốc nêu rõ những đề nghị trong chương trình hoà bình của Liên Xô dựa trên cơ sở “nguyện vọng của các dân tộc muốn thoát khỏi nguy cơ huỷ diệt của vũ khí hạt nhân”. Đồng thời, Chủ tịch Brezhnev trình trọng tuyên bố: “Liên Xô sẽ không phải là nước đầu tiên sử dụng vũ khí hạt nhân”

¹ Phong trào không liên kết, sđd, tr. 145, 205, 234, 246, 287, 298.

trong trường hợp chiến tranh nổ ra.¹ Đề nghị của Liên Xô được nhiều nước ủng hộ, trong đó có Việt Nam. Chính phủ Việt Nam đã đưa ra các tuyên bố hoàn toàn ủng hộ những sáng kiến hoà bình của chính phủ Liên Xô, coi đó là “một biểu hiện mới của tinh thần trách nhiệm và chính sách hoà bình của Liên Xô”. Chính phủ Việt Nam cũng khẳng định đó là “một bước tiến vô cùng quan trọng trên con đường xoá bỏ nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân, đáp ứng nguyện vọng cấp thiết của các dân tộc là loại trừ thảm hoạ diệt chủng của vũ khí hạt nhân”. Đồng thời, Chính phủ Việt Nam mong muốn các cường quốc hạt nhân khác cũng đưa ra những cam kết như Liên Xô để chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang và đảm bảo hoà bình cho thế giới.² Chương trình tổng thể về loại trừ vũ khí hạt nhân của Liên Xô cũng được các nước trong Phong trào KKK ủng hộ mạnh mẽ. Tại Hội nghị cấp bộ trưởng Ủy ban phối hợp của Phong trào KKK (4/1986), các nước tham dự hội nghị đã ra tuyên bố chính trị hoan nghênh chương trình tổng thể về loại trừ vũ khí hạt nhân của Liên Xô. Bản tuyên bố viết: “Các vị ngoại trưởng hoan nghênh Chương trình tổng thể về loại trừ vũ khí hạt nhân theo nhiều giai đoạn do Liên Xô đưa ra gần đây. Mục tiêu và ưu tiên của chương trình đó là nhằm từ nay đến năm 2000 tất cả các cường quốc hạt nhân sẽ thủ tiêu hoàn toàn vũ khí hạt nhân trên Trái đất, là rất phù hợp với lập trường trước sau như một của các nước không liên kết về vấn đề này”.³

Sự phản đối vũ trang hạt nhân còn diễn ra ngay cả trong các nước đồng minh của Mỹ. Ở Tây Âu từ năm 1981, nhiều cuộc biểu tình đã diễn ra ở Bonn, London, Rome, Amsterdam phản đối việc Hoa Kỳ triển khai tên lửa Pershing và tên lửa hành trình ở các

¹ Foreign Languages Publishing House (1985), *For Peace, International Security and National Independence*, Hà Nội, tr. 25, 147.

² Báo Nhân Dân, ngày 19/6/1982; Tham khảo Nguyễn Thị Thanh Thủy, “Quan điểm của Việt Nam đối với các văn kiện quốc tế về vũ trang hạt nhân trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh”, tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 63/2005, tr. 7-21.

³ Phong trào không liên kết, sđd, tr.269.

nước thuộc khối NATO. Đáng chú ý là Phong trào đòi giải trừ vũ khí hạt nhân ở Anh đã tổ chức hàng loạt các cuộc biểu tình yêu cầu chính quyền Mỹ không được triển khai tên lửa mang đầu đạn hạt nhân ở Anh cũng như ở các nước khác trong khối NATO. Ngày 10/6/1982, Tổ chức thanh niên xã hội Cộng hoà Liên bang Đức tiến hành đại hội, thông qua nghị quyết phản đối chính phủ nước này đồng ý triển khai các tên lửa tầm trung của Mỹ trên lãnh thổ Cộng hoà Liên Bang Đức. Cùng thời gian này, hơn một triệu người Canada đã ký tên vào một kiến nghị do Đại hội hoà bình Canada đưa ra, đòi giải trừ vũ khí hạt nhân, đòi Hoa Kỳ nới lại các cuộc thương lượng với Liên Xô về vũ khí hạt nhân chiến lược.¹

Tại Mỹ, ngày 12/6/1982, ở New York đã nổ ra cuộc biểu tình chống chiến tranh lớn do hơn 230 tổ chức dân chủ ở Mỹ thực hiện. Khoảng 1 triệu người đã tham gia cuộc biểu tình với những khẩu hiệu phản đối chính sách chạy đua vũ trang của chính quyền Reagan. Họ đòi chính quyền Mỹ giải trừ vũ khí hạt nhân và ủng hộ khoá họp đặc biệt lần thứ 2 của Liên hợp quốc (từ ngày 10 đến 11/6/1982) về giải trừ quân bị.² Trong số những tiếng nói phản đối chạy đua vũ trang hạt nhân ở Hoa Kỳ lúc này đáng chú ý là sự phản đối của George F. Kennan, người nổi tiếng về việc khởi xướng chính sách “ngăn chặn” Mỹ chống Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản từ năm 1948. Kennan phê phán chính sách của chính quyền Reagan đối với Liên Xô và đưa ra kiến nghị cắt giảm 50% kho vũ khí hạt nhân của cả Hoa Kỳ và Liên Xô. Đồng thời Kennan đề nghị phi hạt nhân hoá phần lớn lãnh thổ châu Âu, cấm thử hạt nhân hoàn toàn và không sản xuất vũ khí hạt nhân mới. Năm 1983, các giám mục Nhà thờ Thiên Chúa Mỹ đã đưa ra một thông tri của giám mục dày 150 trang, trong đó phản đối vũ khí hạt nhân. Họ gọi đó là thứ vũ khí vô đạo đức vì nó có khả năng huỷ

¹ Báo Nhân Dân, ngày 14/6/1982.

² Báo Nhân Dân, ngày 15/6/1982.

diệt loài người, tức huỷ diệt “sự sáng tạo của Chúa”.¹ Nhiều tổ chức quần chúng khác ở Mỹ cũng phản đối cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân của chính quyền Reagan. Các nhà khoa học Mỹ còn cảnh báo về một “mùa đông hạt nhân”, hậu quả của một cuộc chiến tranh hạt nhân nếu xảy ra.

Phong trào chống vũ khí hạt nhân cũng phát triển ở nhiều nước, tại các diễn đàn và tổ chức quốc tế. Ngày 4/8/1981, Hội nghị thế giới chống bom A và bom H tại Tokyo đã thông qua Tuyên bố Tokyo, kêu gọi nhân dân thế giới đấu tranh cấm hoàn toàn vũ khí hạt nhân. Tại khoá họp lần thứ 36 (năm 1981) của Đại hội đồng Liên hợp quốc, các nước đã biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng về cấm vũ khí hạt nhân Neutron. Năm 1983 là năm vũ khí hạt nhân được triển khai mạnh mẽ ở các nước thuộc khối NATO, gây ra tình hình căng thẳng của một cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân mới. Trong khung cảnh đó, từ ngày 21 đến ngày 26/6/1983, hơn 3.000 đại biểu từ 132 nước ở khắp các châu lục và từ 119 tổ chức quốc tế đã tham gia Hội nghị thế giới về hoà bình và chống chiến tranh hạt nhân tổ chức tại Praha, Tiệp Khắc. Trong tham luận của các đoàn đại biểu đều nhấn mạnh tính chất nguy hiểm của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân mới do các thế lực hiếu chiến quốc tế tiến hành. Các đại biểu tham dự Hội nghị đều bày tỏ sự phản đối mạnh mẽ đối với cuộc chạy đua vũ trang nói chung và vũ trang hạt nhân nói riêng. Đồng thời, họ yêu cầu các cường quốc hạt nhân cùng đàm phán để chặn đứng nguy cơ chiến tranh hạt nhân, đảm bảo hoà bình cho nhân loại.²

Sau Hội nghị hoà bình thế giới năm 1983, nhiều hội nghị khác về vấn đề chống chạy đua vũ trang, chống chiến tranh hạt nhân

¹ Thomas G. Paterson, J. Garry Clifford & Kenneth J. Hagan (2000), *American Foreign Relations - A History Since 1895*, Volume II, Houghton Mifflin Company, New York, tr. 435.

² Orbis Press Agency (1983), *World Assembly for Peace and Life Against Nuclear War: Documents*, Prague.

tiếp tục được tổ chức ở nhiều nơi trên thế giới. Ngày 28/1/1985, Tổng thống các nước Aghentina, Mexico, Tanzania và Thủ tướng các nước Hy Lạp, Thụy Điển, Ấn Độ tiến hành cuộc họp cấp cao tại New Delhi. Hội nghị thông qua Tuyên bố New Delhi kêu gọi nhân dân, quốc hội và chính phủ các nước trên toàn thế giới hãy đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới. Tuyên bố nhấn mạnh nhiệm vụ cấp bách lúc này là ngăn chặn cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân và kêu gọi các nước có vũ khí hạt nhân sớm đi tới một thoả thuận toàn diện về vấn đề cấm thử vũ khí hạt nhân. Ngày 16/5/1985, Đan Mạch tuyên bố không tham gia chương trình “Phòng thủ chiến lược” của Mỹ, chống lại mọi hình thức nghiên cứu và triển khai vũ khí trong vũ trụ. Ngày 15/8/1986, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao năm nước Bắc Âu (Phần Lan, Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch và Ailen) tại Copenhagen ra thông cáo chung đòi chấm dứt ngay cuộc chạy đua vũ trang, giảm trên quy mô lớn các kho vũ khí hạt nhân và ngăn chặn việc quân sự hoá vũ trụ cũng như ủng hộ và tăng cường các cuộc đối thoại Đông - Tây. Đáng lưu ý là ngày 2/8/1991, Hội nghị quốc tế chống vũ khí hạt nhân được tổ chức tại Hiroshima, Nhật Bản đã kêu gọi các cường quốc hạt nhân huỷ bỏ vũ khí hạt nhân và giải tán các khối quân sự. Hội nghị đã phát động “đợt sóng hoà bình” lần thứ năm nhân tuần giải trừ quân bị (từ 24 đến 27/10/1991) của Liên hợp quốc, bao gồm các hoạt động mít tinh, tổ chức các chiến dịch thu thập chữ ký đòi huỷ bỏ vũ khí hạt nhân và nhiều hình thức đấu tranh khác.¹

Như vậy, phong trào phản đối vũ khí hạt nhân diễn ra mạnh mẽ trên thế giới đã thể hiện sự quan tâm chung của các lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trước sự nguy hiểm của tình trạng phổ biến lan tràn vũ khí hạt nhân và cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân mới trong thập niên cuối cùng của cuộc Chiến tranh Lạnh. Làn sóng phản đối vũ khí hạt nhân từ khắp nơi trên thế giới đã tạo ra một áp lực nhất định đối với các cường quốc hạt nhân để

¹ Báo Nhân Dân, ngày 5/8/1991.

cắt giảm kho vũ khí hạt nhân của họ. Trên thực tế, một số văn kiện về hạn chế và cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược đã được ký kết giữa Hoa Kỳ và Liên Xô. Đó là Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn I (SALT-I, 1972), Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn II (SALT-II, 1979), Hiệp ước huỷ bỏ vũ khí hạt nhân tầm trung và tầm ngắn (INF, 1987) và Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược giai đoạn I (START-I, 1991). Một số lượng lớn vũ khí hạt nhân của Hoa Kỳ và Liên Xô đã bị cắt giảm theo quy định của các hiệp ước này.¹ Như vậy vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân đã được thực hiện ở một mức độ nhất định.

3. Sau Chiến tranh Lạnh

Khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, kho vũ khí hạt nhân trên thế giới vẫn còn rất lớn. Năm 1992, số lượng vũ khí hạt nhân của Liên Xô để lại cho bốn nước thừa kế là Nga, Ukraine, Belarus và Kazakhstan là 33.000, của Hoa Kỳ là 18.340, của Anh là 200, Pháp là 540, và Trung Quốc là 435.² Như vậy chỉ riêng ở các cường quốc hạt nhân, số lượng vũ khí hạt nhân trong kho vẫn còn rất lớn. Ngoài ra, một số nước khác cũng đã có vũ khí hạt nhân. Sự tồn tại của kho vũ khí hạt nhân ở các nước vẫn là một nguy cơ đe dọa nền hoà bình và an ninh của thế giới. Vì thế vấn đề kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân vẫn còn là một vấn đề quan trọng, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cường quốc hạt nhân và các nước trên thế giới. Phong trào chống vũ khí hạt nhân vì thế cần được tiếp tục đẩy mạnh để tiến tới huỷ bỏ triệt để thứ vũ khí diệt chủng này.

Trên thực tế, vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân vẫn nằm trong sự quan tâm lớn của cộng đồng quốc tế. Dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc, ngày 11/5/1995, Hội nghị quốc tế về việc xem xét lại

¹ Arms Control Association (2002), Arms Control Today: U.S.-Soviet/Russian Nuclear Arms Control, tại địa chỉ www.armscontrol.org/act/2002_06/factfilejune02.asp; *Thế giới thế kỷ XX - Những sự kiện quân sự*, sđd, tr. 374, 384-385, 389.

² *Global Nuclear Stockpiles, 1945-1997*, tldd.

Hiệp ước NPT đã quyết định Hiệp ước NPT có hiệu lực vĩnh viễn. Đồng thời Hiệp ước NPT thiết lập một hệ thống giám sát quốc tế do Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) điều hành. Lúc này Hiệp ước NPT đã có sự tham gia của 188 nước, trong đó có tất cả 5 cường quốc hạt nhân. Sau đó tháng 9/1996, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã bỏ phiếu thông qua Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT) với 158 phiếu thuận, 3 phiếu chống và 5 phiếu trắng. Hiệp ước CTBT cấm tất cả các vụ nổ hạt nhân, kể cả các vụ nổ thử nghiệm vì mục đích hoà bình. Ngoài ra tại khoá họp 59 (10/2004), Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua 55 nghị quyết về an ninh và giải trừ quân bị toàn cầu. Các nghị quyết liên quan đến vũ khí hạt nhân kêu gọi tất cả các nước tiến hành thương lượng đa phương một công ước quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, thử nghiệm, tàng trữ, chuyển giao, triển khai, đe dọa hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân, tiến tới loại trừ hoàn toàn loại vũ khí này.

Hội nghị thế giới chống bom A và bom H tại Nhật Bản tiếp tục là một trong những diễn đàn quốc tế lớn phản đối mạnh mẽ vũ khí hạt nhân. Từ ngày 4 đến 9/8/2004, hàng trăm đại biểu từ nhiều nước trên thế giới đã tham dự Hội nghị chống bom A và bom H tại thành phố Hiroshima, Nhật Bản. Các đại biểu tham luận cho rằng: “Việc sử dụng vũ khí hạt nhân là một tội ác lớn và để đạt được mục đích không phổ biến vũ khí hạt nhân, cần ngăn chặn việc phát triển vũ khí hạt nhân ngay tại những quốc gia đang sở hữu vũ khí nguy hiểm này.” Các đại biểu cũng kêu gọi chính phủ và nhân dân các nước tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chống vũ khí hạt nhân, xây dựng một thế giới không có vũ khí hạt nhân.¹ Tổ chức Hoà bình Xanh vẫn kiên trì cuộc đấu tranh chống lại việc thử vũ khí hạt nhân của Pháp ở Nam Thái Bình Dương cho đến tận năm 1995, khi chính phủ Pháp tuyên bố chấm dứt các chương trình thử vũ khí hạt nhân ở đây.

¹ Báo Nhân Dân, ngày 4/8/2004.

Trong số những tiếng nói phản đối vũ khí hạt nhân, đáng chú ý là kiến nghị của 60 tướng lĩnh và đô đốc hải quân đã về hưu ở 17 nước trên thế giới.¹ Nhiều người trong số những tướng lĩnh này từng là tổng thống, tổng tham mưu trưởng các lực lượng vũ trang, thứ trưởng bộ quốc phòng. Họ cùng ký tên trong bản tuyên bố chung ngày 5/12/1996. Bản tuyên bố có đoạn viết: “Chúng tôi, những quân nhân chuyên nghiệp đã cống hiến cả đời mình vì an ninh của tổ quốc và nhân dân chúng tôi, tin tưởng rằng sự tiếp tục tồn tại của vũ khí hạt nhân trong kho của các cường quốc hạt nhân và việc các nước khác đang tìm cách có được vũ khí hạt nhân chính là một mối đe dọa lớn đối với hoà bình và an ninh thế giới cũng như sự tồn tại của các dân tộc mà chúng ta đang bảo vệ”.²

Là những người đã từng phục vụ trong quân đội hoặc giữ những trọng trách có liên quan đến vũ khí hạt nhân và vấn đề an ninh quốc gia, họ hiểu rõ hơn ai hết tính chất vô cùng nguy hiểm của chiến tranh hạt nhân đối với hoà bình, an ninh thế giới và sự sống còn của nhân loại. Vì thế trong bản tuyên bố, họ cảnh báo mối hiểm hoạ tiếp tục của vũ khí hạt nhân đối với sự tồn tại của nền văn minh nhân loại chừng nào thứ vũ khí có tính huỷ diệt này chưa bị loại bỏ hoàn toàn. Theo đánh giá của các cựu sĩ quan quân sự này, những văn kiện về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân đạt được trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh là những “động thái tích cực”, nhưng “chưa đạt được một sự giải trừ vũ khí hạt nhân thực sự”. Họ đề ra ba biện pháp cấp bách để làm giảm nguy cơ đe dọa của vũ khí hạt nhân đối với thế giới. Đó là: 1) Tiếp tục cắt giảm mạnh kho vũ khí hạt nhân của các nước trên thế giới; 2) Xoá bỏ tình trạng sẵn sàng chiến đấu của vũ khí hạt nhân ở tất cả các nước có loại vũ khí này; 3) Xây dựng một chính sách hạt nhân lâu

¹ Các nước này bao gồm: Hoa Kỳ, Nga, Anh, Pháp, Ấn Độ, Pakistan, Nhật Bản, Canada, Đan Mạch, Bồ Đào Nha, Na Uy, Hy Lạp, Hà Lan, Sri Lanka, Jordan, Tanzania và Gana.

² Statement on Nuclear Weapons by International Generals and Admirals (1996), tại địa chỉ: www.nuclearfiles.org/etmilitarypers/genandadmstatement.

dài của quốc tế dựa trên nguyên tắc tiếp tục và tiến tới xoá bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân. Đồng thời, xây dựng một chương trình thanh sát hạt nhân trên phạm vi toàn thế giới để ngăn chặn việc chế tạo vũ khí hạt nhân mới, tiếp tục thành lập các khu vực phi hạt nhân, xây dựng các biện pháp củng cố lòng tin giữa các nước, ký các hiệp ước về giải trừ quân bị, tiến tới một thế giới không có vũ khí hạt nhân.¹ Như vậy, phong trào chống vũ khí hạt nhân tiếp tục được duy trì dưới nhiều hình thức khác nhau và diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới khi Chiến tranh Lạnh đã kết thúc.

4. Một số nhận xét

Do tính chất huỷ diệt to lớn của vũ khí hạt nhân nên ngay từ khi loại vũ khí này ra đời, một phong trào đấu tranh chống vũ khí hạt nhân và chống chạy đua vũ trang hạt nhân đã hình thành. Phong trào đã nhanh chóng phát triển ở nhiều nước và trên các diễn đàn quốc tế trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Trong phong trào đó, Liên hợp quốc thông qua Ban Giải trừ quân bị của tổ chức này đã đưa ra nhiều nghị quyết và các văn kiện về giải trừ quân bị nói chung và giải trừ vũ khí hạt nhân nói riêng. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khác nhau nên hiệu lực của các văn kiện này còn bị hạn chế. Ngoài Liên hợp quốc, Phong trào KKK luôn là một lực lượng tích cực chống chạy đua vũ trang nói chung và vũ trang hạt nhân nói riêng. Quan điểm của các nước thuộc Phong trào KKK đối với vấn đề vũ trang hạt nhân cũng có thể coi là quan điểm của các nước vừa và nhỏ, đồng thời là những nước không có vũ khí hạt nhân. Ngoài ra, Hội nghị chống bom A và bom H cũng như nhiều diễn đàn quốc tế khác liên tục đấu tranh mạnh mẽ chống vũ khí hạt nhân, thu hút sự tham gia của nhiều nước. Qua đó thể hiện mối quan tâm chung của cộng đồng quốc tế trước nguy cơ đe dọa của vũ khí hạt nhân đối với sự tồn tại của nhân loại.

¹ *Statement on Nuclear Weapons*, tldd.

Thập niên cuối cùng của Chiến tranh Lạnh chứng kiến sự phổ biến mạnh mẽ của kỹ thuật hạt nhân và vũ khí hạt nhân trên thế giới. Vì thế nguy cơ đe dọa của vũ khí hạt nhân đối với nền hoà bình và an ninh thế giới đã ở mức báo động cao. Tuy nhiên cũng chưa bao giờ phong trào đấu tranh chống chạy đua vũ trang, chống vũ khí hạt nhân và nguy cơ của chiến tranh hạt nhân lại phát triển mạnh mẽ như ở giai đoạn này. Phong trào được mở rộng với nhiều hình thức phong phú, diễn ra ở nhiều nước trên thế giới, tại các diễn đàn và tổ chức quốc tế. Trong suốt mấy thập kỷ, phong trào chống chạy đua vũ trang hạt nhân đã có ảnh hưởng nhất định đối với việc ký kết và thực hiện các văn kiện về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân, vì thế đã góp phần giải trừ một bộ phận vũ khí hạt nhân.

Tuy nhiên, vấn đề huỷ bỏ triệt để vũ khí hạt nhân vẫn còn nan giải. Có ý kiến cho rằng: “Quan niệm đe dọa hạt nhân dường như đã ăn sâu vào lòng người, khó có thể thay đổi được” mặc dù không ai nghi ngờ về tính huỷ diệt của vũ khí hạt nhân.¹ Đây có thể là một trong những lý do tiếp tục tồn tại của loại vũ khí này. Trong thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh, vũ khí hạt nhân tiếp tục là một vấn đề nổi cộm trong quan hệ quốc tế và vẫn đang đe dọa nền hoà bình và an ninh của thế giới. Thực tế là các cường quốc hạt nhân vẫn tiếp tục tàng trữ một lượng vũ khí hạt nhân lớn. Việc làm đó phải chăng là để tiếp tục thực hiện chính sách răn đe hạt nhân trong quan hệ quốc tế? Trong khi đó một số nước không có vũ khí hạt nhân nhưng vì những lý do khác nhau đang tìm cách có được vũ khí hạt nhân. Có ý kiến cho rằng các nước tàng trữ vũ khí hạt nhân vì coi đó là “thủ đoạn quan trọng để tăng cường thực lực của bản thân và địa vị trên trường quốc tế”.² Mặc dù mỗi nước đều có lý do riêng trong việc duy trì lực lượng hạt nhân của mình

¹ Trương Tiểu Minh (2002), *Chiến tranh Lạnh và di sản của nó*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.229.

² *Chiến tranh Lạnh và di sản của nó*, sđd, tr.228.

nhưng sự tồn tại của các kho vũ khí hạt nhân tiếp tục là nguy cơ đe dọa đối với sự tồn tại của nhân loại. Vì vậy việc huỷ bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân vẫn còn là một đòi hỏi chính đáng của các dân tộc trên thế giới. Tuy nhiên, vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân cần được kết hợp với việc giải quyết những vấn đề lớn khác trong quan hệ quốc tế. Những vấn đề này bao gồm thiết lập một cơ chế giám sát có hiệu quả đối với việc thực hiện các Hiệp ước NPT và Hiệp ước CTBT; đảm bảo an ninh và chủ quyền cho các nước vừa và nhỏ, các nước không có vũ khí hạt nhân; thực hiện các biện pháp xây dựng lòng tin giữa các quốc gia và đảm bảo lợi ích của các nước trong các quan hệ song phương và đa phương. Điều quan trọng là tất cả các nước phải được bình đẳng trong việc phát triển kỹ thuật hạt nhân và sử dụng năng lượng hạt nhân phục vụ mục đích dân sự. Ngoài ra, vấn đề đàm phán và thương lượng cần được đề cao trong quan hệ quốc tế. Trong suốt mấy thập kỷ của cuộc Chiến tranh Lạnh, Hoa Kỳ và Liên Xô - hai cường quốc đối địch hàng đầu - đã tiến hành nhiều cuộc đàm phán khó khăn để đạt được những thoả thuận quan trọng về kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân. Do đó để giải quyết những bất đồng trong quan hệ quốc tế nói chung và giải trừ vũ khí hạt nhân nói riêng, đàm phán và thương lượng phải được dựa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và cùng có lợi để tránh những cuộc xung đột và chiến tranh, cải thiện quan hệ, góp phần đảm bảo hoà bình và an ninh thế giới.

(Bài viết đã đăng trong tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 4(67), 12/2006, tr. 95-110.)

